

Số: /TB-SNN

Lạng Sơn, ngày tháng 11 năm 2022

## THÔNG BÁO

### Về việc công bố tiêu chí và số điểm sơ tuyển nhanh các doanh nghiệp, nhóm sản xuất đăng ký tham gia xin hỗ trợ gói vốn cạnh tranh thuộc Hợp phần 3 Dự án BIIG1 - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Quyết định 977/QĐ-UBND tỉnh Lạng Sơn ngày 09/6/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Sổ tay hướng dẫn quy trình cấp vốn và thực hiện các gói vốn cạnh tranh dự án Hợp phần 3 Cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thuộc dự án BIIG1-Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Báo cáo Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp và nhóm sản xuất tham gia gói vốn cạnh tranh do Viện nghiên cứu quy hoạch nông nghiệp, nông thôn (Đơn vị tư vấn ARVC soạn thảo)

Căn cứ thư không phản đối của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) ngày 24/11/2022 về việc chỉnh sửa một số nội dung trong Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án (PAM) tháng 11/2022.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố các tiêu chí và số điểm đánh giá đối với từng đối tượng doanh nghiệp và nhóm sản xuất như sau:

#### 1. Tiêu chí đánh giá

Được chia thành 04 nhóm tiêu chí tổng quát bao gồm:

- Nhóm tiêu chí tiên quyết: theo yêu cầu trong PAM cập nhật tháng 11/2022 để sơ tuyển;
- Nhóm tiêu chí quản lý vận hành;
- Nhóm tiêu chí sản xuất kinh doanh và hiệu quả sản xuất;
- Nhóm tiêu chí môi trường và tiêu chuẩn sản xuất đối với hạng mục đề xuất đầu tư.

Mỗi nhóm tiêu chí tổng quát được chia ra các tiêu chí cụ thể, và tỷ trọng trong thang đánh giá trên tổng điểm là 100 điểm. Cụ thể:

#### a. Nhóm tiêu chí tiên quyết: Để sơ tuyển

\* Đối với các đối tượng tham gia cạnh tranh gói vốn cấp độ ngành hoặc đa sản phẩm chiến lược và gói vốn hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (gói vốn 1 và 2):

- Đối tượng là thành viên của nhóm sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp chủ lực thuộc địa bàn của dự án;
- Có đủ nguồn lực đối ứng ít nhất 51% nguồn vốn thực hiện
- Có kế hoạch lâu dài tham gia phát triển sản phẩm trong chuỗi giá trị của Tỉnh (tối thiểu 05 năm) nhằm thể hiện vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp dẫn dắt sản phẩm của chuỗi

\* Đối với các đối tượng tham gia cạnh tranh gói vốn gói vốn hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ (gói vốn 3):

- Đối tượng là thành viên của nhóm sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp chủ lực thuộc địa bàn của dự án;

- Có đủ nguồn lực đối ứng ít nhất 20% nguồn vốn thực hiện

- Cam kết tham gia sản xuất kinh doanh lâu dài

\* Đối với các đối tượng tham gia cạnh tranh gói vốn hỗ trợ nhóm sản xuất kinh doanh (gói vốn 4):

- Đối tượng là thành viên của nhóm sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp chủ lực thuộc địa bàn của dự án;

- Cam kết tham gia dự án lâu dài

- Là thành viên của nhóm ngành sản xuất

### **b. Nhóm tiêu chí quản lý vận hành**

Nhóm tiêu chí chiếm 30% tỷ trọng trong thang đánh giá, tương ứng với số điểm tối đa là 30. Đây là nhóm tiêu chí thể hiện năng lực về quản lý vận hành doanh nghiệp phù hợp với quy mô sản xuất, kinh doanh. Cụ thể:

+ Hoạt động theo luật doanh nghiệp và quy định của nhà nước;

+ Có đầy đủ nhân sự chủ chốt: ví dụ Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, cán bộ kỹ thuật, cán bộ thị trường, cán bộ quản lý chất lượng, kế toán, hành chính...

+ Có mô tả nhiệm vụ của từng vị trí nhân sự chủ chốt;

+ Các nhân sự đều được trả lương và bảo hiểm theo quy định của nhà nước;

+ Hệ thống quản lý sổ sách: Báo cáo tài chính, thuế và các báo cáo khác theo yêu cầu được chuẩn bị hàng năm và được cơ quan có thẩm quyền kiểm duyệt;

+ Có cơ sở vật chất, nhà xưởng phù hợp;

+ Có các biện pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro trong vận hành nhà xưởng;

### **c. Nhóm tiêu chí sản xuất kinh doanh và hiệu quả sản xuất**

Nhóm tiêu chí này rất quan trọng, chiếm tỷ trọng 50% trong thang đánh giá, tương ứng với số điểm tối đa là 50. Đây là nhóm tiêu chí thể hiện khả năng liên kết liên doanh trong chuỗi giá trị và quy mô sản xuất kinh doanh thể hiện quy mô sản xuất, thu mua chế biến của đối tượng tham gia bao gồm vùng hoạt động, sản lượng sản xuất kinh doanh, quy mô chế biến. Các tiêu chí đưa ra phù hợp với đặc tính của 4 sản phẩm trong chuỗi giá trị. Cụ thể:

+ Vị trí, vai trò của đối tượng trong chuỗi giá trị: là doanh nghiệp đầu tàu, doanh nghiệp tầm quốc gia, quốc tế, địa phương;

+ Kinh nghiệm sản xuất kinh doanh thông qua kinh nghiệm sản xuất, số năm hoạt động, các hợp đồng mua bán cho các nguyên vật liệu và cung cấp sản phẩm;

+ Quy mô kinh doanh sản xuất: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, chế biến; đa dạng hay đơn dạng sản phẩm, doanh thu hàng năm;

+ Khả năng liên kết với các tác nhân trong chuỗi giá trị/chuỗi cung ứng: trong sản xuất, trong phân phối, phát triển thị trường (thông qua các hợp đồng, cam kết, thỏa thuận...);

+ Khả năng tài chính bao gồm tài sản cố định và vốn lưu động cho kinh doanh;

+ Hiệu quả sản xuất kinh doanh có thể đánh giá được qua doanh thu hàng năm, nợ tồn đọng, các tranh chấp...

+ Đóng góp cho xóa đói giảm nghèo của Tỉnh và Việt nam thông qua các chương trình hỗ trợ cộng đồng.

#### **d. Nhóm tiêu chí về môi trường và tiêu chuẩn sản xuất**

Nhóm tiêu chí về môi trường, tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, tỷ trọng 20%, tương ứng với số điểm tối đa là 20. Cụ thể:

+ Vệ sinh an toàn thực phẩm trong thu gom, sản xuất và phân phối sản phẩm của các đối tượng tham gia gói vốn như áp dụng tiêu chuẩn sản xuất an toàn (ví dụ VietGAP, Global GAP) hoặc/và các tiêu chuẩn chất lượng của Việt Nam và quốc tế khác;

+ Nhóm tiêu chí về chính sách an toàn môi trường theo quy định của Chính phủ và ADB.

### **2. Cách thức lựa chọn**

Các đối tượng hoạt động sản xuất, kinh doanh không thuộc 4 nhóm sản phẩm quế, hồi, thạch đen và rau an toàn; các đối tượng không thỏa mãn tiêu chí trong nhóm tiên quyết sẽ bị loại ngay ở vòng sơ tuyển.

Các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, thiết bị chế biến sâu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn sẽ được ưu tiên lựa chọn nếu 2 doanh nghiệp có điểm chấm sơ tuyển bằng nhau. Các nhóm sản xuất sản xuất, chế biến sâu sẽ được ưu tiên lựa chọn các nhóm sản xuất sản phẩm thô.

Các doanh nghiệp đăng ký tham gia cạnh tranh gói vốn sẽ được đưa vào danh sách dài. Các doanh nghiệp và nhóm sản xuất đạt điểm từ 70 điểm trở lên trên thang điểm 100 sẽ đạt được vòng sơ tuyển, và được đưa vào danh sách ngắn.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lạng Sơn trân trọng thông báo tới các đơn vị có liên quan quan tâm và phối hợp thực hiện./.

*(Các tiêu chí sơ tuyển và số điểm được trình bày ở phụ lục gửi kèm)*

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng UBND tỉnh; (bc)
- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh;
- UBND các huyện, TPLS;
- Các DN, HTX liên quan;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Công báo tỉnh, Đài PTTH tỉnh, Báo Lạng Sơn, Cổng TTĐT tỉnh Lạng Sơn, cổng TTĐT Sở (để đăng tin, thông báo);
- Ban QLDA HP3;
- Lãnh đạo Sở;
- Email: kthuong@adb.org;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Lý Việt Hưng**

**Phụ lục 1****Tiêu chí cho gói vốn cấp độ ngành hoặc đa sản phẩm chiến lược  
(gói vốn 300.000usd)**

<b>STT</b>	<b>Các tiêu chí</b>	<b>Điểm tối đa</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ BẮT BUỘC</b>			
	Các điều kiện tiên quyết theo sổ tay hướng dẫn			Theo PAM cập nhật tháng 11/2022
	Có đủ nguồn lực đối ứng ít nhất 51% nguồn vốn thực hiện			Bảng 78 PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>II</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ QUẢN LÝ VẬN HÀNH</b>	<b>30</b>		Cụ thể hoạt động 3,4 trong Bảng 79 PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Năm hoạt động theo luật doanh nghiệp và quy định của nhà nước</b>	<b>3</b>		
	- Trên 5 năm	3		
	- Đạt 5 năm	2		
<b>2</b>	<b>Bộ máy quản lý và tổ chức nhân sự (2.1+2.2+2.3)</b>	<b>12</b>		
2.1	Có đầy đủ nhân sự chủ chốt: Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, cán bộ kỹ thuật, cán bộ thị trường, cán bộ quản lý chất lượng, kế toán, hành chính vv.	5		
2.2	Các nhân sự đều được trả lương và bảo hiểm theo quy định của nhà nước;	5		
2.3	Có mô tả nhiệm vụ của từng vị trí nhân sự chủ chốt	2		
<b>3</b>	<b>Cơ sở vật chất (3.1+3.2)</b>	<b>5</b>		
3.1	Có cơ sở vật chất, nhà xưởng phù hợp;	3		
3.2	Có các biện pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro trong vận hành nhà xưởng	2		
<b>4</b>	<b>Vị trí vai trò của doanh nghiệp trong chuỗi giá trị</b>	<b>5</b>		
	là doanh nghiệp đầu tàu, doanh nghiệp tầm quốc gia, quốc tế	5		
	là doanh nghiệp địa phương	3		
<b>5</b>	<b>Hệ thống quản lý số sách</b>	<b>5</b>		
	Báo cáo tài chính, thuế được chuẩn bị hàng năm và được cơ quan có thẩm quyền kiểm duyệt	5		
	Có sổ sách theo mẫu biểu hướng dẫn nhưng không ghi chép đầy đủ, báo cáo thuế hàng năm, Không thực hiện kiểm toán/tài chính hàng năm	3		
<b>III</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT</b>	<b>50</b>		Cụ thể hoạt động 3,4 trong Bảng 79 PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Kinh nghiệm sản xuất kinh doanh</b>	<b>5</b>		
	Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, sơ chế các sản phẩm nông lâm sản	5		
	Có 2 đến dưới 5 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, sơ chế các sản phẩm nông	3		

STT	Các tiêu chí	Điểm tối đa	Số điểm	Ghi chú
	lâm sản			
	Có ít dưới 2 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, sơ chế các sản phẩm nông lâm sản	1		
<b>2</b>	<b>Quy mô doanh thu sản xuất bình quân hàng năm</b>	<b>5</b>		
	Từ 80 - trên 100 tỷ/năm	5		
	Từ 50 - 79 tỷ/năm	3		
	Từ 30-49 tỷ/năm	2		
<b>3</b>	<b>Khả năng tài chính (vốn cố định và lưu động)</b>	<b>5</b>		
	Chủ động nguồn vốn để phục vụ hoạt động SXKD	5		
	Có nguồn vốn KD nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu	3		
	Không có hoặc chỉ đáp ứng dưới 20% năng lực hoạt động	1		
<b>4</b>	<b>Khả năng liên kết với các tác nhân trong chuỗi giá trị/chuỗi cung ứng:</b>	<b>5</b>		
	Có hợp đồng, cam kết, thỏa thuận hợp tác với các tác nhân đối tác sản xuất kinh doanh	5		
	Không có hợp đồng hợp tác	0		
<b>5</b>	<b>Quy mô liên kết sản xuất hàng năm (1.1+1.2)</b>	<b>10</b>		
<b>5.1</b>	<b>Sản lượng doanh nghiệp liên kết thu mua, tiêu thụ, sơ chế, chế biến (tấn)</b>	<b>5</b>		
	<b>❖ Đối với Hôi</b>			
	- Sản lượng hàng năm trên 2000 tấn	5		
	- Từ 1000- 2000 tấn	3		
	- Dưới 1000 tấn	1		
	<b>❖ Đối với Quế</b>			
	- Sản lượng hàng năm Trên 1000 tấn	5		
	- Từ 500-1000 tấn	3		
	- Dưới 500 tấn	1		
	<b>❖ Đối Thạch đen</b>			
	- Sản lượng hàng năm Trên 3000 tấn	5		
	- Từ 1000-3000 tấn	3		
	- Dưới 1000 tấn	1		
	<b>❖ Đối với Rau an toàn</b>			
	- Sản lượng hàng năm Trên 1500 tấn	5		
	- Từ 800-1500 tấn	3		
	- Dưới 800 tấn	1		
<b>5.2</b>	<b>Diện tích doanh nghiệp liên kết với vùng trồng (ha)</b>	<b>5</b>		
	<b>❖ Đối với Hôi</b>			
	- diện tích trên 500 ha	5		
	- diện tích 300 - 500ha	3		
	- diện tích từ 100- dưới 300ha	2		
	- diện tích dưới 100ha	1		
	<b>❖ Đối với Quế</b>			
	- diện tích trên 300 ha	5		
	- diện tích 200 - 300ha	3		
	- diện tích từ 100- dưới 200ha	2		

STT	Các tiêu chí	Điểm tối đa	Số điểm	Ghi chú
	- diện tích dưới 100ha	1		
	<b>❖ Đới Thạch đen</b>			
	- diện tích trên 50 ha	5		
	- diện tích 30-50ha	3		
	- diện tích 10- dưới 30ha	2		
	- diện tích dưới 10 ha	1		
	<b>❖ Đới với Rau an toàn</b>			
	- diện tích trên 30 ha	5		
	- diện tích 20-30ha	3		
	- diện tích 10- dưới 20ha	2		
	- diện tích dưới 10 ha	1		
<b>6</b>	<b>Có kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm;</b>	<b>5</b>		
	- Có KHSXKD hàng năm	5		
	- Không có kế hoạch sản xuất kinh doanh, chỉ làm theo thời vụ	1		
<b>7</b>	<b>Sản phẩm sản xuất</b>	<b>5</b>		
	- Sản phẩm sản xuất hoàn chỉnh có nhãn hiệu, thương hiệu	5		
	- Sản phẩm sản xuất dạng bán sản phẩm	3		
	- Sản phẩm sản xuất dạng nguyên liệu thô	1		
	- Chưa có sản phẩm	0		
<b>8</b>	<b>Thị trường tiêu thụ sản phẩm</b>	<b>5</b>		
	- Trong nước, Trung Quốc và thị trường cao cấp	5		
	- Trong nước, Trung Quốc	3		
	- Trong nước	2		
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận kinh doanh của Doanh nghiệp</b>	<b>5</b>		
	- Có lợi nhuận và đã hoàn thành thu hồi vốn đầu tư ban đầu	5		
	- Có lợi nhuận nhưng chưa hoàn vốn đầu tư ban đầu	3		
<b>IV</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG, TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT</b>	<b>20</b>		Cụ thể điểm vii) mục 450 trong PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Vệ sinh ATTP Vệ sinh ATTP, Sản xuất theo tiêu chuẩn</b>	<b>10</b>		
	- Sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ chuẩn châu Âu, Mỹ, Nhật	10		
	- Theo tiêu chuẩn VietGAP, Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, HACCP, ISO	5		
	- Chưa theo tiêu chuẩn nào	0		
<b>2</b>	<b>Môi trường</b>	<b>10</b>		
	- Có hệ thống thu gom, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường	10		
	- Có hệ thống thu gom xử lý chất thải nhưng chưa đạt tiêu chuẩn môi trường	5		

STT	Các tiêu chí	Điểm tối đa	Số điểm	Ghi chú
	- Không có hệ thống thu gom xử lý chất thải	0		
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>100</b>		

**Phụ lục 2**  
**Tiêu chí cho gói vốn hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (200.000USD)**

STT	Các tiêu chí	Điểm tối đa	Số điểm	Ghi chú
<b>I</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ BẮT BUỘC</b>			
	Các điều kiện tiên quyết theo sổ tay hướng dẫn			Theo PAM cập nhật tháng 11/2022
	Có đủ nguồn lực đối ứng ít nhất 51% nguồn vốn thực hiện			Bảng 78 theo PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>II</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ QUẢN LÝ VẬN HÀNH</b>	<b>30</b>		Cụ thể hoạt động 3,4 trong Bảng 79 PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Năm hoạt động theo luật doanh nghiệp và quy định của nhà nước</b>	<b>3</b>		
	- Trên 5 năm	3		
	- Đạt 5 năm	2		
<b>2</b>	<b>Bộ máy quản lý và tổ chức nhân sự (2.1+2.2+2.3)</b>	<b>12</b>		
2.1	Có đầy đủ nhân sự chủ chốt: Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, cán bộ kỹ thuật, cán bộ thị trường, cán bộ quản lý chất lượng, kế toán, hành chính vv.	5		
2.2	Các nhân sự đều được trả lương và bảo hiểm theo quy định của nhà nước;	5		
2.3	Có mô tả nhiệm vụ của từng vị trí nhân sự chủ chốt	2		
<b>3</b>	<b>Cơ sở vật chất (3.1+3.2)</b>	<b>5</b>		
3.1	Có cơ sở vật chất, nhà xưởng phù hợp;	3		
3.2	Có các biện pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro trong vận hành nhà xưởng	2		
<b>4</b>	<b>Vị trí vai trò của doanh nghiệp trong chuỗi giá trị</b>	<b>5</b>		
	Là doanh nghiệp địa phương, có vị trí hàng đầu trong chuỗi sản phẩm	5		
	là doanh nghiệp địa phương, có vai trò quan trọng trong chuỗi sản phẩm	3		
<b>5</b>	<b>Hệ thống quản lý sổ sách</b>	<b>5</b>		
	Báo cáo tài chính, thuế được chuẩn bị hàng năm và được cơ quan có thẩm quyền kiểm duyệt	5		
	Có sổ sách theo mẫu biểu hướng dẫn nhưng không ghi chép đầy đủ, báo cáo thuế hàng năm, Không thực hiện kiểm toán/tài chính hàng năm	3		
<b>III</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ SẢN XUẤT KINH</b>	<b>50</b>		Cụ thể hoạt động 3,4 trong Bảng 79

STT	Các tiêu chí	Điểm tối đa	Số điểm	Ghi chú
	<b>DOANH VÀ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT</b>			PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Kinh nghiệm sản xuất kinh doanh</b>	<b>5</b>		
	Có ít nhất 3 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, sơ chế các sản phẩm nông lâm sản	5		
	Có 2 đến dưới 3 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, sơ chế các sản phẩm nông lâm sản	3		
	Có ít dưới 2 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, sơ chế các sản phẩm nông lâm sản	1		
<b>2</b>	<b>Quy mô doanh thu sản xuất bình quân hàng năm</b>	<b>5</b>		
	Trên 20 tỷ/năm	5		
	Từ 10 - 20 tỷ/năm	3		
	Dưới 10 tỷ/năm	2		
<b>3</b>	<b>Khả năng tài chính (vốn cố định và lưu động)</b>	<b>5</b>		
	Chủ động nguồn vốn để phục vụ hoạt động SXKD	5		
	Có nguồn vốn KD nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu	3		
	Không có hoặc chỉ đáp ứng dưới 20% năng lực hoạt động	1		
<b>4</b>	<b>Khả năng liên kết với các tác nhân trong chuỗi giá trị/chuỗi cung ứng:</b>	<b>5</b>		
	Có hợp đồng, cam kết, thỏa thuận hợp tác với các tác nhân đối tác sản xuất kinh doanh	5		
	Không có hợp đồng hợp tác	0		
<b>5</b>	<b>Quy mô liên kết sản xuất hàng năm (1.1+1.2)</b>	<b>10</b>		
<b>1.1</b>	<b>Sản lượng doanh nghiệp thu mua, tiêu thụ, sơ chế, chế biến (tấn)</b>			
	❖ <b>Đối với Hôi</b>	5		
	- Sản lượng hàng năm trên 1000 tấn	5		
	- Từ trên 500- 1000 tấn	3		
	- Dưới 500 tấn	1		
	❖ <b>Đối với Quế</b>	5		
	- Sản lượng hàng năm Trên 500 tấn	5		
	- Từ 300-500 tấn	3		
	- Dưới 300 tấn	1		
	❖ <b>Đối Thạch đen</b>	5		
	- Sản lượng hàng năm Trên 1500 tấn	5		
	- Từ 500-1500 tấn	3		
	- Dưới 500 tấn	1		
	❖ <b>Đối với Rau an toàn</b>	5		
	- Sản lượng hàng năm Trên 1000 tấn	5		



STT	Các tiêu chí	Điểm tối đa	Số điểm	Ghi chú
	- Từ 500-800 tấn	3		
	- Dưới 500 tấn	1		
<b>1.2</b>	<b>Diện tích doanh nghiệp liên kết vùng trồng (ha)</b>			
	<b>❖ Đối với Hôi</b>			
	- Diện tích trên 300 ha	5		
	- Diện tích 100 - 300 ha	3		
	- Diện tích từ 50- dưới 100 ha	2		
	- Diện tích dưới 50ha	1		
	<b>❖ Đối với Quế</b>			
	- Diện tích trên 150 ha	5		
	- Diện tích 50 - 150 ha	3		
	- Diện tích từ 20- dưới 50 ha	2		
	- Diện tích dưới 20 ha	1		
	<b>❖ Đối Thạch đen</b>	5		
	- Diện tích trên 20 ha	5		
	- Diện tích 10-20ha	3		
	- Diện tích dưới 5- dưới 10ha	2		
	- Diện tích dưới 5 ha	1		
	<b>❖ Đối với Rau an toàn</b>	5		
	- Diện tích trên 20 ha	5		
	- Diện tích 10-20 ha	3		
	- Diện tích 5- dưới 10 ha	2		
	- Diện tích dưới 5 ha	1		
<b>6</b>	<b>Có kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm</b>	<b>5</b>		
	- Có KHSXKD hàng năm	5		
	- Không có kế hoạch sản xuất kinh doanh, chỉ làm theo thời vụ	1		
<b>7</b>	<b>Sản phẩm sản xuất</b>	<b>5</b>		
	- Sản phẩm sản xuất hoàn chỉnh có nhãn hiệu, thương hiệu	5		
	- Sản phẩm sản xuất dạng bán sản phẩm	3		
	- Sản phẩm sản xuất dạng nguyên liệu thô	1		
	- Chưa có sản phẩm	0		
<b>8</b>	<b>Thị trường tiêu thụ sản phẩm</b>	<b>5</b>		
	- Trong nước, Trung Quốc và thị trường cao cấp	5		
	- Trong nước, Trung Quốc	3		
	- Trong nước	2		
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận kinh doanh của Doanh nghiệp)</b>	<b>5</b>		
	- Có lợi nhuận và đã hoàn thành thu hồi vốn đầu	5		

STT	Các tiêu chí	Điểm tối đa	Số điểm	Ghi chú
	tư ban đầu			
	- Có lợi nhuận nhưng chưa hoàn vốn đầu tư ban đầu	3		
<b>III</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG, TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT</b>	<b>20</b>		Cụ thể điểm vii) mục 450 trong PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Vệ sinh ATTP Vệ sinh ATTP, Sản xuất theo tiêu chuẩn</b>	<b>10</b>		
	- Sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ chuẩn châu Âu, Mỹ, Nhật	10		
	- Theo tiêu chuẩn VietGAP, Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, HACCP, ISO	5		
	- chưa theo tiêu chuẩn nào	0		
<b>2</b>	<b>Môi trường</b>	<b>10</b>		
	- Có hệ thống thu gom, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường	10		
	- Có hệ thống thu gom xử lý chất thải nhưng chưa đạt tiêu chuẩn môi trường	5		
	- Không có hệ thống thu gom xử lý chất thải	0		
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>100</b>		

### Phụ lục 3

#### Tiêu chí cho gói vốn hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ (70.000USD)

STT	Các tiêu chí	Điểm tối đa	Số điểm	Ghi chú
<b>I</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ BẮT BUỘC</b>			
	Các điều kiện tiên quyết theo sổ tay hướng dẫn			Theo PAM
	Có đủ nguồn lực đối ứng ít nhất 20% nguồn vốn thực hiện			Bảng 78 theo PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>II</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ QUẢN LÝ VẬN HÀNH</b>	<b>30</b>		Cụ thể hoạt động 3,4 trong Bảng 79 PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Năm hoạt động theo luật doanh nghiệp và quy định của nhà nước</b>	<b>3</b>		
	Trên 3 năm	3		
	Đạt 3 năm	2		
<b>2</b>	<b>Bộ máy quản lý và tổ chức nhân sự (2.1+2.2+2.3)</b>	<b>12</b>		
2.1	Có đầy đủ nhân sự chủ chốt: Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, cán bộ kỹ thuật, vv.	5		
2.2	Các nhân sự đều được trả lương và bảo hiểm theo quy định của nhà nước;	5		
2.3	Có mô tả nhiệm vụ của từng vị trí nhân sự chủ chốt	2		
<b>3</b>	<b>Cơ sở vật chất (3.1+3.2)</b>	<b>5</b>		

STT	Các tiêu chí	Điểm tối đa	Số điểm	Ghi chú
3.1	Có cơ sở vật chất, nhà xưởng phù hợp;	3		
3.2	Có các biện pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro trong vận hành nhà xưởng	2		
<b>4</b>	<b>Vị trí vai trò của doanh nghiệp trong chuỗi giá trị</b>	<b>5</b>		
	Là doanh nghiệp địa phương có vai trò trong chuỗi sản phẩm tại huyện	5		
	là doanh nghiệp địa phương, tham gia trong chuỗi sản phẩm	3		
<b>5</b>	<b>Hệ thống quản lý sổ sách</b>	<b>5</b>		
	Báo cáo tài chính, thuế được chuẩn bị hàng năm và được cơ quan có thẩm quyền kiểm duyệt	5		
	Có sổ sách theo mẫu biểu hướng dẫn nhưng không ghi chép đầy đủ, báo cáo thuế hàng năm, Không thực hiện kiểm toán/tài chính hàng năm	3		
<b>III</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT</b>	<b>50</b>		Cụ thể hoạt động 3,4 trong Bảng 79 PAM PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Kinh nghiệm sản xuất kinh doanh</b>	<b>5</b>		
	Có ít nhất 2 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, sơ chế các sản phẩm nông lâm sản	5		
	Có 1 đến dưới 2 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, sơ chế các sản phẩm nông lâm sản	3		
	Có ít dưới 1 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, sơ chế các sản phẩm nông lâm sản	1		
<b>2</b>	<b>Quy mô doanh thu sản xuất bình quân hàng năm</b>	<b>5</b>		
	- Trên 10 tỷ/năm	5		
	- Từ 5-10 tỷ/năm	3		
	- Dưới 5 tỷ/năm	2		
<b>3</b>	<b>Khả năng tài chính (vốn cố định và lưu động)</b>	<b>5</b>		
	Chủ động nguồn vốn để phục vụ hoạt động SXKD	5		
	Có nguồn vốn KD nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu	3		
	Không có hoặc chỉ đáp ứng dưới 20% năng lực hoạt động	1		
<b>4</b>	<b>Khả năng liên kết với các tác nhân trong chuỗi giá trị/chuỗi cung ứng:</b>	<b>5</b>		
	Có hợp đồng, cam kết, thỏa thuận hợp tác với các tác nhân đối tác sản xuất kinh doanh	5		
	Không có hợp đồng hợp tác	0		
<b>5</b>	<b>Quy mô liên kết sản xuất hàng năm (1.1+1.2)</b>	<b>10</b>		
<b>5.1</b>	<b>Sản lượng doanh nghiệp thu mua, tiêu thụ, sơ chế, chế biến (tấn)</b>			
	❖ <i>Đối với Hôi</i>	5		
	- Sản lượng hàng năm Trên 500 tấn	5		
	- Từ 200-500 tấn	3		
	- Dưới 200 tấn	1		

STT	Các tiêu chí	Điểm tối đa	Số điểm	Ghi chú
	<b>❖ Đối với Quế</b>	5		
	- Sản lượng hàng năm Trên 100 tấn	5		
	- Từ 50-100 tấn	3		
	- Dưới 50 tấn	1		
	<b>❖ Đối Thạch đen</b>	5		
	- Sản lượng hàng năm Trên 500 tấn	5		
	- Từ 250-500 tấn	3		
	- Dưới 250 tấn	1		
	<b>❖ Đối với Rau an toàn</b>	5		
	- Sản lượng hàng năm Trên 300 tấn	5		
	- Từ 100 -300 tấn	3		
	- Dưới 100 tấn	1		
<b>1.2</b>	<b>Diện tích doanh nghiệp liên kết vùng trồng (ha)</b>			
	<b>❖ Đối với Hôi</b>	5		
	- diện tích trên 100 ha	5		
	- diện tích 30 - 100 ha	3		
	- diện tích dưới 30ha	1		
	<b>❖ Đối với Quế</b>	5		
	- diện tích trên 50 ha	5		
	- diện tích 10 - 50 ha	3		
	- diện tích dưới 10 ha	1		
	<b>❖ Đối Thạch đen</b>	5		
	- diện tích trên 10 ha	5		
	- diện tích 3-10 ha	3		
	- diện tích dưới 3ha	1		
	<b>❖ Đối với Rau an toàn</b>	5		
	- diện tích trên 10ha	5		
	- diện tích 2-10 ha	3		
	- diện tích dưới 2 ha	1		
<b>6</b>	<b>Có kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm</b>	5		
	- Có KHSXKD hàng năm	5		
	- Không có kế hoạch sản xuất kinh doanh, chỉ làm theo thời vụ	1		
<b>7</b>	<b>Sản phẩm sản xuất</b>	5		
	- Sản phẩm sản xuất hoàn chỉnh có nhãn hiệu, thương hiệu	5		
	- Sản phẩm sản xuất dạng bán sản phẩm	3		
	- Sản phẩm sản xuất dạng nguyên liệu thô	1		
	- Chưa có sản phẩm	0		
<b>8</b>	<b>Thị trường tiêu thụ sản phẩm</b>	<b>5</b>		
	- Sản phẩm có xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài	5		

STT	Các tiêu chí	Điểm tối đa	Số điểm	Ghi chú
	- Sản phẩm tiêu thụ tại các tỉnh lân cận và cả các tỉnh xa tại miền Trung, miền Nam	3		
	- Thị trường tiêu thụ trong tỉnh và các tỉnh lân cận (Miền Bắc)	2		
	- Thị trường tiêu thụ chủ yếu trong tỉnh	1		
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận kinh doanh của Doanh nghiệp</b>	<b>5</b>		
	- Có lợi nhuận và đã hoàn thành thu Hồi vốn đầu tư ban đầu	5		
	- Có lợi nhuận nhưng chưa hoàn vốn đầu tư ban đầu	3		
<b>III</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG, TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT</b>	<b>20</b>		Cụ thể điểm vii) mục 450 trong PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Vệ sinh ATTP, Sản xuất theo tiêu chuẩn</b>	<b>10</b>		
	- Có chứng nhận sản xuất theo các tiêu chuẩn tiên tiến hoặc chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền cấp	10		
	- Tuân thủ các quy định về VSAT thực phẩm nhưng chưa có giấy chứng nhận	5		
	- Chưa sản xuất theo các tiêu chuẩn vệ sinh ATTP	0		
<b>2</b>	<b>Môi trường</b>	<b>10</b>		
	- Có hệ thống thu gom, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường	10		
	- Có hệ thống thu gom xử lý chất thải nhưng chưa đạt tiêu chuẩn môi trường	5		
	- Không có hệ thống thu gom xử lý chất thải	0		
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>100</b>		

#### Phụ lục 4

#### Tiêu chí lựa chọn nhóm sản xuất (HTX) sản xuất kinh doanh sơ chế, chế biến chuỗi giá trị sản phẩm Hồi.

STT	Các tiêu chí	Số điểm	Điểm tự chấm	Ghi Chú
<b>I</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ QUẢN LÝ VẬN HÀNH</b>	<b>30</b>		Cụ thể hóa hoạt động 3 trong Bảng 81 theo PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Thành viên tham gia chuỗi giá trị sản phẩm</b>	<b>2</b>		
1.1	- Có cam kết tham gia dự án	1		
1.2	- Là thành viên của nhóm ngành sản xuất	1		
<b>2</b>	<b>Năm thành lập</b>	<b>5</b>		
	- Trên 03 năm	5		
	- Từ 01-03 năm	3		
	- Dưới 01 năm	1		

STT	Các tiêu chí	Số điểm	Điểm tự chấm	Ghi Chú
<b>3</b>	<b>Số thành viên</b>	<b>2</b>		
	- Trên 15 thành viên	2		
	- Từ 7- 15 thành viên	1		
<b>4</b>	<b>Hạng mục kinh doanh</b>	<b>5</b>		
	- Dịch vụ SX, thu mua và tiêu thụ	5		HTX là đầu mối thu mua của cả các vùng lân cận
	- Dịch vụ SX, sơ chế	3		HTX chỉ sản xuất và sơ chế sản phẩm của HTX
<b>5</b>	<b>Số năm kinh nghiệm tham gia chuỗi sản xuất (Tính năm kinh nghiệm cao nhất của Giám đốc HTX hoặc thành viên ban quản trị)</b>	<b>2</b>		
	- Trên 5 năm	2		
	- Từ 2-5 năm	1		
	- Dưới 2 năm	0,5		
<b>6</b>	<b>Hợp đồng hợp tác/Quy chế hoạt động của nhóm</b>	<b>5</b>		
	- Có hợp đồng hợp tác với các thành viên/Quy chế hoạt động của nhóm	5		
	- Hợp đồng thỏa thuận theo tín nhiệm, viết tay (hoặc tín chấp)	3		
	- Không có hợp đồng hợp tác/Quy chế hoạt động của nhóm	1		
<b>7</b>	<b>Vốn kinh doanh/ Xây dựng Quỹ nhóm</b>	<b>5</b>		
	- HTX có nguồn vốn KD/xây dựng quỹ nhóm để phục vụ hoạt động SXKD trên 200 triệu	5		
	- Có nguồn vốn KD/quỹ nhưng nguồn vốn KD/quỹ ít không đáp ứng được nhu cầu từ 100- 200triệu	3		
	- Có xây dựng quỹ nhưng Dưới 100 triệu	1		
<b>8</b>	<b>Hợp/Sinh hoạt HTX</b>	<b>2</b>		
	- Sinh hoạt thường xuyên theo yêu cầu/quy chế	2		
	- Sinh hoạt dưới 50% theo quy định	1		
	- Không sinh hoạt	0		
<b>9</b>	<b>Hệ thống sổ sách ghi chép</b>	<b>2</b>		
	- Có sổ sách theo mẫu biểu hướng dẫn và ghi chép đầy đủ	2		
	- Có sổ sách theo mẫu biểu hướng dẫn nhưng không ghi chép đầy đủ	1		
	- Không có sổ sách ghi chép	0		
<b>II</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT</b>	<b>50</b>		Cụ thể hóa hoạt động 3 trong Bảng 81 theo PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Tổng diện tích, sản lượng sản phẩm mà HTX tổ chức sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ, liên kết thị trường</b>	<b>10</b>		

STT	Các tiêu chí	Số điểm	Điểm tự chấm	Ghi Chú
<b>1.1</b>	<b>Đối với HTX sản xuất</b> (trực tiếp sản xuất, thu mua,...)			
A	Diện tích	5		
	- Trên 200ha	5		
	- Từ 100 - 200 ha	3		
	- Dưới 100 ha	1		
B	Sản lượng	5		
	- Trên 500 tấn	5		
	- Từ 200- 500 tấn	3		
	- Dưới 200 tấn	1		
<b>1.2</b>	<b>Đối với HTX sản xuất+tiêu thụ cây giống</b> (Sản lượng giống)			
	- Trên 200.000 bầu	10		
	- Từ 100.000 - 200.000 bầu	7		
	- Dưới 100.000 bầu	3		
<b>2</b>	<b>Hình thức liên kết sản xuất</b>	<b>10</b>		
	- HTX thực hiện sản xuất theo hình thức bốn chung (Kế hoạch chung; quy trình kỹ thuật chung; chung giống; mua chung và bán chung)	10		
	- HTX chỉ thực hiện 3 chung	8		
	- HTX chỉ thực hiện 2 chung	5		
	- HTX chỉ thực hiện 01 chung, hoặc không thực hiện	2		
<b>3</b>	<b>Thời gian sản xuất ra sản phẩm</b>	<b>5</b>		
	- Sản phẩm có thời gian sản xuất kinh doanh <6 tháng	5		
	- Sản phẩm có thời gian sản xuất kinh doanh từ 6 đến 12 tháng	3		
	- Sản phẩm có thời gian sản xuất kinh doanh >12 tháng	1		
<b>4</b>	<b>Sản phẩm sản xuất</b>	<b>5</b>		
	- Sản phẩm sản xuất hoàn chỉnh có nhãn hiệu, thương hiệu	5		
	- Sản phẩm sản xuất dạng bán sản phẩm, bầu cây giống	3		
	- Sản phẩm sản xuất dạng nguyên liệu thô	2		
	- Chưa có sản phẩm	0		
<b>5</b>	<b>Thị trường tiêu thụ sản phẩm</b>	<b>10</b>		
	- Có hợp đồng mua bán sản phẩm lâu dài và ổn định với Doanh nghiệp/HTX/Hộ chế biến, kinh doanh trong và ngoài tỉnh phục vụ xuất khẩu (sản phẩm đạt tiêu chuẩn)	10		
	- Có hợp đồng mua bán sản phẩm lâu dài và ổn định với Doanh nghiệp/HTX/Hộ chế biến, kinh doanh trong tỉnh	8		
	- Bán cho thương lái	5		
	- Bán ngoài chợ hoặc đi bán lẻ...	3		
<b>6</b>	<b>Thu nhập trên 1 ngày công lao động của thành viên</b> (so với công lao động tương đương thuê tại địa phương)	<b>5</b>		
	- Cao hơn công ngoài thị trường	5		
	- Bằng công thị trường	3		
	- Thấp hơn công lao động ngoài thị trường	0		
<b>7</b>	<b>Doanh thu sản xuất kinh doanh của HTX</b>	<b>5</b>		

STT	Các tiêu chí	Số điểm	Điểm tự chấm	Ghi Chú
	- Doanh thu trên 1 tỷ/năm	5		
	- Doanh thu từ 500 triệu - 1 tỷ/năm	3		
	- Doanh thu dưới 500 triệu/năm	2		
<b>III</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG, TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT</b>	<b>20</b>		Cụ thể điểm ix) mục 463 và điểm vii) mục 464 trong PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Vệ sinh ATTP, sản xuất theo quy trình, tiêu chuẩn</b>	<b>8</b>		
	- Sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap; hữu cơ, tiêu chuẩn được xác nhận...	8		
	- Theo yêu cầu đặt hàng	5		
	- Sản xuất theo kinh nghiệm, thói quen	0		
<b>2</b>	<b>Quản lý chất lượng sản phẩm theo công đoạn sản xuất</b>	<b>7</b>		
	- Quản lý chất lượng cho mọi công đoạn sản xuất	7		
	- Quản lý chất lượng cho 70% công đoạn sản xuất	4		
	- Quản lý chất lượng cho 50% công đoạn sản xuất	2		
	- Chưa quản lý chất lượng cho bất cứ công đoạn sản xuất nào	0		
<b>3</b>	<b>Môi trường</b>	<b>5</b>		
	- Có hệ thống thu gom, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường	5		
	- Có hệ thống thu gom xử lý chất thải nhưng chưa đạt tiêu chuẩn môi trường	3		
	- Không có hệ thống thu gom xử lý chất thải	0		
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>100</b>		

### Phụ lục 5

#### Tiêu chí lựa chọn nhóm sản xuất (HTX) sản xuất kinh doanh sơ chế, chế biến chuỗi giá trị sản phẩm Quế

STT	Các tiêu chí	Số điểm	Điểm tự chấm	Ghi Chú
<b>I</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ QUẢN LÝ VẬN HÀNH</b>	<b>30</b>		Cụ thể hóa hoạt động 3 trong Bảng 81 theo PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Thành viên tham gia chuỗi giá trị sản phẩm</b>	<b>2</b>		
1.1	Có cam kết tham gia dự án	1		
1.2	Là thành viên của nhóm ngành sản xuất	1		
<b>2</b>	<b>Năm thành lập</b>	<b>5</b>		
	- Trên 03 năm	5		
	- Từ 01-03 năm	3		



STT	Các tiêu chí	Số điểm	Điểm tự chấm	Ghi Chú
	- Dưới 01 năm	1		
<b>3</b>	<b>Số thành viên</b>	<b>2</b>		
	- Trên 15 thành viên	2		
	- Từ 7- 15 thành viên	1		
<b>4</b>	<b>Hạng mục kinh doanh</b>	<b>5</b>		
	- Dịch vụ SX , thu mua và tiêu thụ	5		HTX là đầu mối thu mua của cả các vùng lân cận
	- Dịch vụ SX, sơ chế	3		HTX chỉ sản xuất và sơ chế sản phẩm của HTX
<b>5</b>	<b>Số năm kinh nghiệm tham gia chuỗi sản xuất</b> <i>(Tính năm kinh nghiệm cao nhất của Giám đốc HTX hoặc thành viên ban quản trị)</i>	<b>2</b>		
	- Trên 5 năm	2		
	- Từ 2-5 năm	1		
	- Dưới 2 năm	0.5		
<b>6</b>	<b>Hợp đồng hợp tác/Quy chế hoạt động của nhóm</b>	<b>5</b>		
	- Có hợp đồng hợp tác với các thành viên/Quy chế hoạt động của nhóm	5		
	- Hợp đồng thỏa thuận theo tín nhiệm, viết tay (hoặc tín chấp)	3		
	- Không có hợp đồng hợp tác/Quy chế hoạt động của nhóm	1		
<b>7</b>	<b>Vốn kinh doanh/ Xây dựng Quỹ nhóm</b>	<b>5</b>		
	- HTX có nguồn vốn KD/xây dựng quỹ nhóm để phục vụ hoạt động SXKD trên 200 triệu	5		
	- Có nguồn vốn KD/quỹ nhưng nguồn vốn KD/quỹ ít không đáp ứng được nhu cầu từ 100- 200 triệu	3		
	- Có xây dựng quỹ nhưng dưới 100 triệu	1		
<b>8</b>	<b>Hợp/Sinh hoạt HTX</b>	<b>2</b>		
	- Sinh hoạt thường xuyên theo yêu cầu/quy chế	2		
	- Sinh hoạt dưới 50% theo quy định	1		
	- Không sinh hoạt	0		
<b>9</b>	<b>Hệ thống sổ sách ghi chép</b>	<b>2</b>		
	- Có sổ sách theo mẫu biểu hướng dẫn và ghi chép đầy đủ	2		
	- Có sổ sách theo mẫu biểu hướng dẫn nhưng không ghi chép đầy đủ	1		
	- Không có sổ sách ghi chép	0		
<b>II</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT</b>	<b>50</b>		Cụ thể hóa hoạt động 3 trong Bảng 81 theo PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Tổng diện tích, sản lượng, sản phẩm mà HTX tổ</b>	<b>10</b>		

STT	Các tiêu chí	Số điểm	Điểm tự chấm	Ghi Chú
	<b>chức sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ, liên kết thị trường</b>			
<b>1.1</b>	<b>Đối với HTX sản xuất</b> (trực tiếp sản xuất, thu mua,...)			
a	Diện tích	5		
	- Trên 100 ha	5		
	- Từ 50- 100 ha	3		
	- Dưới 50 ha	1		
b	Sản lượng	5		
	- Trên 50 tấn	5		
	- Từ 20 – 50 tấn	3		
	- Dưới 10 tấn	1		
<b>1.2</b>	<b>Đối với HTX sản xuất+tiêu thụ cây giống</b> (Sản lượng giống)	<b>10</b>		
	- Trên 200.000 bầu	10		
	- Trên 100.000 - 200.000 bầu	7		
	- Dưới 50.000 bầu	3		
<b>2</b>	<b>Hình thức liên kết sản xuất</b>	<b>10</b>		
	- HTX thực hiện sản xuất theo hình thức bốn chung ( <i>Kế hoạch chung; quy trình kỹ thuật chung; chung giống; mua chung và bán chung</i> )	10		
	- HTX chỉ thực hiện 3 chung	8		
	- HTX chỉ thực hiện 2 chung	5		
	- HTX chỉ thực hiện 01 chung, hoặc không thực hiện	2		
<b>3</b>	<b>Thời gian sản xuất ra sản phẩm</b>	<b>5</b>		
	- Sản phẩm có thời gian sản xuất kinh doanh dưới 6 tháng	5		
	- Sản phẩm có thời gian sản xuất kinh doanh từ 6 đến 12 tháng	3		
	- Sản phẩm có thời gian sản xuất kinh doanh trên 12 tháng	1		
<b>4</b>	<b>Sản phẩm sản xuất</b>	<b>5</b>		
	- Sản phẩm sản xuất hoàn chỉnh có nhãn hiệu, thương hiệu	5		
	- Sản phẩm sản xuất dạng bán sản phẩm, cây giống đóng bầu	3		
	- Sản phẩm sản xuất dạng nguyên liệu thô	2		
	- Chưa có sản phẩm	0		
<b>5</b>	<b>Thị trường tiêu thụ sản phẩm</b>	<b>10</b>		
	- Có hợp đồng mua bán sản phẩm lâu dài và ổn định với Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ chế biến, kinh doanh trong và ngoài tỉnh phục vụ xuất khẩu (sản phẩm đạt tiêu chuẩn)	10		
	- Có hợp đồng mua bán sản phẩm lâu dài và ổn định với Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ chế biến, kinh doanh trong tỉnh	8		

STT	Các tiêu chí	Số điểm	Điểm tự chấm	Ghi Chú
	- Bán cho thương lái	5		
	- Bán ngoài chợ hoặc đi bán lẻ...	3		
<b>6</b>	<b>Thu nhập trên 1 ngày công lao động của thành viên</b> (so với công lao động tương đương thuê tại địa phương)	<b>5</b>		
	- Cao hơn công ngoài thị trường	5		
	- Bằng công thị trường	3		
	- Thấp hơn công lao động ngoài thị trường	0		
<b>7</b>	<b>Doanh thu sản xuất kinh doanh của HTX</b>	<b>5</b>		
	- Doanh thu trên 500 triệu/năm	5		
	- Doanh thu từ 200-500 triệu/năm	3		
	- Doanh thu dưới 200 triệu/năm	2		
<b>III</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG, TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT</b>	<b>20</b>		Cụ thể điểm ix) mục 463 và điểm vii) mục 464 trong PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Vệ sinh ATTP, sản xuất theo quy trình, tiêu chuẩn</b>	<b>8</b>		
	- Sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap; hữu cơ, tiêu chuẩn được xác nhận...	8		
	- Theo yêu cầu đặt hàng	5		
	- Sản xuất theo kinh nghiệm, thói quen	0		
<b>2</b>	<b>Quản lý chất lượng sản phẩm theo công đoạn sản xuất</b>	<b>7</b>		
	- Quản lý chất lượng cho mọi công đoạn sản xuất	7		
	- Quản lý chất lượng cho 70% công đoạn sản xuất	4		
	- Quản lý chất lượng cho 50% công đoạn sản xuất	2		
	- Chưa quản lý chất lượng cho bất cứ công đoạn sản xuất nào	0		
<b>3</b>	<b>Môi trường</b>	<b>5</b>		
	- Có hệ thống thu gom, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường	5		
	- Có hệ thống thu gom xử lý chất thải nhưng chưa đạt tiêu chuẩn môi trường	3		
	- Không có hệ thống thu gom xử lý chất thải	0		
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>100</b>		

## Phụ lục 6

**Tiêu chí lựa chọn Nhóm sản xuất (HTX) sản xuất kinh doanh sơ chế, chế biến chuỗi giá trị sản phẩm Thạch đen.**

STT	Các tiêu chí	Số điểm	Điểm tự chấm	Ghi Chú
<b>I</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ QUẢN LÝ VẬN HÀNH</b>	<b>30</b>		Cụ thể hóa hoạt động 3 trong Bảng 81 theo PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Thành viên tham gia chuỗi giá trị sản phẩm</b>	<b>2</b>		
1.1	Có cam kết tham gia dự án	1		
1.2	Là thành viên của nhóm ngành sản xuất	1		
<b>2</b>	<b>Năm thành lập</b>	<b>5</b>		
	- Trên 03 năm	5		
	- Từ 01-03 năm	3		
	- Dưới 01 năm	1		
<b>3</b>	<b>Số thành viên</b>	<b>2</b>		
	- Trên 15 thành viên	2		
	- Từ 7- 15 thành viên	1		
<b>4</b>	<b>Hạng mục kinh doanh</b>	<b>5</b>		
	- Dịch vụ SX, thu mua, chế biến và tiêu thụ	5		HTX là đầu mối thu mua của cả các vùng lân cận
	- Dịch vụ SX , sơ chế	3		HTX chỉ sản xuất và sơ chế sản phẩm của HTX
<b>5</b>	<b>Số năm kinh nghiệm tham gia chuỗi sản xuất</b> <i>(Tính năm kinh nghiệm cao nhất của Giám đốc HTX hoặc thành viên ban quản trị)</i>	<b>2</b>		
	- Trên 5 năm	2		
	- Từ 2-5 năm	1		
	- Dưới 2 năm	0.5		
<b>6</b>	<b>Hợp đồng hợp tác/Quy chế hoạt động của nhóm</b>	<b>5</b>		
	- Có hợp đồng hợp tác với các thành viên/Quy chế hoạt động của nhóm	5		
	- Hợp đồng thỏa thuận theo tín nhiệm, viết tay (hoặc tín chấp)	3		
	- Không có hợp đồng hợp tác/Quy chế hoạt động của nhóm	1		
<b>7</b>	<b>Vốn kinh doanh/ Xây dựng Quỹ nhóm</b>	<b>5</b>		
	- HTX có nguồn vốn KD/xây dựng quỹ nhóm để phục vụ hoạt động SXKD trên 200 triệu	5		
	- Có nguồn vốn KD/quỹ nhưng nguồn vốn KD/quỹ ít không đáp ứng được nhu cầu từ 100- dưới 200 triệu	3		

STT	Các tiêu chí	Số điểm	Điểm tự chấm	Ghi Chú
	- Có xây dựng quỹ nhưng Dưới 100 triệu	1		
<b>8</b>	<b>Hợp/Sinh hoạt HTX</b>	<b>2</b>		
	- Sinh hoạt thường xuyên theo yêu cầu/quy chế	2		
	- Sinh hoạt dưới 50% theo quy định	1		
	- Không sinh hoạt	0		
<b>9</b>	<b>Hệ thống sổ sách ghi chép</b>	<b>2</b>		
	- Có sổ sách theo mẫu biểu hướng dẫn và ghi chép đầy đủ	2		
	- Có sổ sách theo mẫu biểu hướng dẫn nhưng không ghi chép đầy đủ	1		
	- Không có sổ sách ghi chép	0		
<b>II</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT</b>	<b>50</b>		Cụ thể hóa hoạt động 3 trong Bảng 81 theo PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1.</b>	<b>Tổng diện tích, sản lượng, sản phẩm mà HTX tổ chức sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ, liên kết thị trường</b>	<b>10</b>		
<b>1.1</b>	<b>Đối với HTX sản xuất (trực tiếp sản xuất, thu mua,...)</b>	<b>10</b>		
a	Diện tích	5		
	- Trên 30 ha	5		
	- Từ 10- 20 ha	3		
	- Dưới 10 ha	1		
b	Sản lượng	5		
	- Trên 100 tấn	5		
	- Từ 50- 100 tấn	3		
	- Dưới 50 tấn	1		
<b>1.2</b>	<b>Đối với HTX chế biến thạch</b>	<b>10</b>		
	- Trên 5 tấn	10		
	- Từ 2-5 tấn	7		
	- Dưới 2 tấn	3		
<b>2</b>	<b>Hình thức liên kết sản xuất</b>	<b>10</b>		
	- HTX thực hiện sản xuất theo hình thức bốn chung ( <i>Kế hoạch chung; quy trình kỹ thuật chung; chung giống; mua chung và bán chung</i> )	10		
	- HTX chỉ thực hiện 3 chung	8		
	- HTX chỉ thực hiện 2 chung	5		
	- HTX chỉ thực hiện 01 chung, hoặc không thực hiện	2		
<b>3</b>	<b>Thời gian sản xuất ra sản phẩm</b>	<b>5</b>		
	- Sản phẩm có thời gian sản xuất kinh doanh dưới 6 tháng	5		
	- Sản phẩm có thời gian sản xuất kinh doanh từ 6 đến 12 tháng	3		
	- Sản phẩm có thời gian sản xuất kinh doanh trên 12	1		

STT	Các tiêu chí	Số điểm	Điểm tự chấm	Ghi Chú
	tháng			
<b>4</b>	<b>Sản phẩm sản xuất</b>	<b>5</b>		
	- Sản phẩm sản xuất hoàn chỉnh có nhãn hiệu, thương hiệu	5		
	- Sản phẩm sản xuất dạng bán sản phẩm, cây giống đóng bầu	3		
	- Sản phẩm sản xuất dạng nguyên liệu thô	2		
	- Chưa có sản phẩm	0		
<b>5</b>	<b>Thị trường tiêu thụ sản phẩm</b>	<b>10</b>		
	- Có hợp đồng mua bán sản phẩm lâu dài và ổn định với Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ chế biến, kinh doanh trong và ngoài tỉnh phục vụ xuất khẩu (sản phẩm đạt tiêu chuẩn)	10		
	- Có hợp đồng mua bán sản phẩm lâu dài và ổn định với Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ chế biến, kinh doanh trong tỉnh	8		
	- Bán cho thương lái	5		
	- Bán ngoài chợ hoặc đi bán lẻ...	3		
<b>6</b>	<b>Thu nhập trên 1 ngày công lao động của thành viên (so với công lao động tương đương thuê tại địa phương)</b>	<b>5</b>		
	- Cao hơn công ngoài thị trường	5		
	- Bằng công thị trường	3		
	- Thấp hơn công lao động ngoài thị trường	0		
<b>7</b>	<b>Doanh thu sản xuất kinh doanh của HTX</b>	<b>5</b>		
	- Doanh thu trên 200 triệu/năm	5		
	- Doanh thu từ 100-200 triệu/năm	3		
	- Doanh thu dưới 100 triệu/năm	2		
<b>III</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG, TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT</b>	<b>20</b>		Cụ thể điểm ix) mục 463 và điểm vii) mục 464 trong PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Vệ sinh ATTP, sản xuất theo quy trình, tiêu chuẩn</b>	<b>8</b>		
	- Sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap; hữu cơ, tiêu chuẩn được xác nhận...	8		
	- Theo yêu cầu đặt hàng	5		
	- Sản xuất theo kinh nghiệm, thói quen	0		
<b>2</b>	<b>Quản lý chất lượng sản phẩm theo công đoạn sản xuất</b>	<b>7</b>		
	- Quản lý chất lượng cho mọi công đoạn sản xuất	7		
	- Quản lý chất lượng cho 70% công đoạn sản xuất	4		
	- Quản lý chất lượng cho 50% công đoạn sản xuất	2		

STT	Các tiêu chí	Số điểm	Điểm tự chấm	Ghi Chú
	- Chưa quản lý chất lượng cho bất cứ công đoạn sản xuất nào	0		
<b>3</b>	<b>Môi trường</b>	<b>5</b>		
	- Có hệ thống thu gom, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường	5		
	- Có hệ thống thu gom xử lý chất thải nhưng chưa đạt tiêu chuẩn môi trường	3		
	- Không có hệ thống thu gom xử lý chất thải	0		
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>100</b>		

### Phụ lục 7

#### Tiêu chí lựa chọn Nhóm sản xuất (HTX) sản xuất kinh doanh sơ chế, chế biến chuỗi giá trị sản phẩm Rau an toàn.

STT	Các tiêu chí	Số điểm	Điểm tự chấm	Ghi Chú
<b>I</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ QUẢN LÝ VẬN HÀNH</b>	<b>30</b>		Cụ thể hóa hoạt động 3 trong Bảng 81 theo PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Thành viên tham gia chuỗi</b>	<b>2</b>		
1.1	Có cam kết tham gia dự án	1		
1.2	Là thành viên của nhóm ngành sản xuất	1		
<b>2</b>	<b>Năm thành lập</b>	<b>5</b>		
	- Trên 03 năm	5		
	- Từ 01-03 năm	3		
	- Dưới 01 năm	1		
<b>3</b>	<b>Số thành viên</b>	<b>2</b>		
	- Trên 15 thành viên	2		
	- Từ 7- 15 thành viên	1		
<b>4</b>	<b>Hạng mục kinh doanh</b>	<b>5</b>		
	- Dịch vụ SX, thu mua, chế biến và tiêu thụ	5		HTX là đầu mối thu mua của cả các vùng lân cận
	- Dịch vụ SX , sơ chế	3		HTX chỉ sản xuất và sơ chế sản phẩm của HTX
<b>5</b>	<b>Số năm kinh nghiệm tham gia chuỗi sản xuất (Tính năm kinh nghiệm cao nhất của Giám đốc HTX hoặc thành viên ban quản trị)</b>	<b>2</b>		
	- Trên 5 năm	2		
	- Từ 2-5 năm	1		
	- Dưới 2 năm	0.5		
<b>6</b>	<b>Hợp đồng hợp tác/Quy chế hoạt động của nhóm</b>	<b>5</b>		
	- Có hợp đồng hợp tác với các thành viên/Quy chế hoạt động của nhóm	5		

STT	Các tiêu chí	Số điểm	Điểm tự chấm	Ghi Chú
	- Hợp đồng thỏa thuận theo tín nhiệm, viết tay (hoặc tín chấp)	3		
	- Không có hợp đồng hợp tác/Quy chế hoạt động của nhóm	1		
<b>7</b>	<b>Vốn kinh doanh/ Xây dựng Quỹ nhóm</b>	<b>5</b>		
	- HTX có nguồn vốn KD/xây dựng quỹ nhóm để phục vụ hoạt động SXKD trên 200 triệu	5		
	- Có nguồn vốn KD/quỹ nhưng nguồn vốn KD/quỹ ít không đáp ứng được nhu cầu từ 100- dưới 200 triệu	3		
	- Có xây dựng quỹ nhưng Dưới 100 triệu	1		
<b>8</b>	<b>Hợp/Sinh hoạt HTX</b>	<b>2</b>		
	- Sinh hoạt thường xuyên theo yêu cầu/quy chế	2		
	- Sinh hoạt dưới 50% theo quy định	1		
	- Không sinh hoạt	0		
<b>9</b>	<b>Hệ thống sổ sách ghi chép</b>	<b>2</b>		
	- Có sổ sách theo mẫu biểu hướng dẫn và ghi chép đầy đủ	2		
	- Có sổ sách theo mẫu biểu hướng dẫn nhưng không ghi chép đầy đủ	1		
	- Không có sổ sách ghi chép	0		
<b>II</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT</b>	<b>50</b>		Cụ thể hóa hoạt động 3 trong Bảng 81 theo PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Tổng diện tích, sản lượng, sản phẩm mà HTX tổ chức sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ, liên kết thị trường</b>	<b>10</b>		
<b>1.1</b>	<b>Đối với HTX sản xuất (trực tiếp sản xuất, thu mua,...)</b>			
a	Diện tích	5		
	- Trên 30 ha	5		
	- Từ 10- 20 ha	3		
	- Dưới 10 ha	1		
b	Sản lượng	5		
	- Trên 200 tấn	5		
	- Từ 100- 200 tấn	3		
	- Dưới 100 tấn	1		
<b>1.2</b>	<b>Đối với HTX sản xuất giống (không áp dụng)</b>			
<b>2</b>	<b>Hình thức liên kết sản xuất</b>	<b>10</b>		
	- HTX thực hiện sản xuất theo hình thức bốn chung (Kế hoạch chung; quy trình kỹ thuật chung; chung giống; mua chung và bán chung)	10		
	- HTX chỉ thực hiện 3 chung	8		
	- HTX chỉ thực hiện 2 chung	5		



STT	Các tiêu chí	Số điểm	Điểm tự chấm	Ghi Chú
	- HTX chỉ thực hiện 01 chung, hoặc không thực hiện	2		
<b>3</b>	<b>Thời gian sản xuất ra sản phẩm</b>	<b>5</b>		
	- Sản phẩm có thời gian sản xuất kinh doanh dưới 6 tháng	5		
	- Sản phẩm có thời gian sản xuất kinh doanh từ 6 đến 12 tháng	3		
	- Sản phẩm có thời gian sản xuất kinh doanh trên 12 tháng	1		
<b>4</b>	<b>Sản phẩm sản xuất</b>	<b>5</b>		
	- Sản phẩm sản xuất hoàn chỉnh có nhãn hiệu, thương hiệu	5		
	- Sản phẩm sản xuất dạng bán sản phẩm	3		
	- Sản phẩm sản xuất dạng nguyên liệu thô	2		
	- Chưa có sản phẩm	0		
<b>5</b>	<b>Thị trường tiêu thụ sản phẩm</b>	<b>10</b>		
	- Có hợp đồng mua bán sản phẩm lâu dài và ổn định với Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ chế biến, kinh doanh trong và ngoài tỉnh phục vụ xuất khẩu (sản phẩm đạt tiêu chuẩn)	10		
	- Có hợp đồng mua bán sản phẩm lâu dài và ổn định với Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ chế biến, kinh doanh trong tỉnh	8		
	- Bán cho thương lái	5		
	- Bán ngoài chợ hoặc đi bán lẻ...	3		
<b>6</b>	<b>Thu nhập trên 1 ngày công lao động của thành viên (so với công lao động tương đương thuê tại địa phương)</b>	<b>5</b>		
	- Cao hơn công ngoài thị trường	5		
	- Bằng công thị trường	3		
	- Thấp hơn công lao động ngoài thị trường	0		
<b>7</b>	<b>Doanh thu sản xuất kinh doanh của HTX</b>	<b>5</b>		
	- Doanh thu trên 500 triệu/năm	5		
	- Doanh thu từ 200-500 triệu/năm	3		
	- Doanh thu dưới 200 triệu/năm	2		
<b>III</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG, TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT</b>	<b>20</b>		Cụ thể điểm ix) mục 463 và điểm vii) mục 464 trong PAM cập nhật tháng 11/2022
<b>1</b>	<b>Vệ sinh ATTP, sản xuất theo quy trình, tiêu chuẩn</b>	<b>8</b>		
	- Sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap; hữu cơ, tiêu chuẩn được xác nhận...	8		
	- Theo yêu cầu đặt hàng	5		
	- Sản xuất theo kinh nghiệm, thói quen	3		
<b>2</b>	<b>Quản lý chất lượng sản phẩm theo công đoạn</b>	<b>7</b>		

<b>STT</b>	<b>Các tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Điểm tự chấm</b>	<b>Ghi Chú</b>
	<b>sản xuất</b>			
	- Quản lý chất lượng cho mọi công đoạn sản xuất	7		
	- Quản lý chất lượng cho 70% công đoạn sản xuất	4		
	- Quản lý chất lượng cho 50% công đoạn sản xuất	2		
	- Chưa quản lý chất lượng cho bất cứ công đoạn sản xuất nào	0		
<b>3</b>	<b>Môi trường</b>	<b>5</b>		
	- Có hệ thống thu gom, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường	5		
	- Có hệ thống thu gom xử lý chất thải nhưng chưa đạt tiêu chuẩn môi trường	3		
	- Không có hệ thống thu gom xử lý chất thải	0		
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>100</b>		